

Số: 58/2024/QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 13 tháng 06 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 149; Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 65/ 2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 05 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Bùi Ngọc T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 7, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Bùi Ngọc T và chị Nguyễn Thị L đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 8 năm 2016 tại UBND xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tình yêu và tự nguyện có giấy chứng nhận kết hôn số 45/2016, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau đoàn tụ hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh, chị đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh T và chị L đều thỏa thuận đề nghị Tòa án công nhận cho anh, chị thuận tình ly hôn.

Xét thỏa thuận, thuận tình ly hôn của anh T và chị L phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án công nhận.

[2]. Về con chung: Anh Bùi Ngọc T và chị Nguyễn Thị L đều trình bày vợ chồng có 01 (một) người con chung, tên cháu là Bùi Hải Đ, sinh ngày 20/9/2017. Ly hôn, anh, chị thỏa thuận giao cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Xét thấy việc thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án công nhận.

[3]. Về tài sản và phần nợ: Anh T và chị L đều trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Anh, chị thỏa thuận anh T nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 06 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Ngọc T và chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Vợ chồng anh, chị khẳng định có 01 (một) người con chung với nhau. Ly hôn anh, chị thỏa thuận giao cháu Bùi Hải Đ, sinh ngày 20/9/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản và công nợ: Vợ chồng anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Bùi Ngọc T phải nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0002940 ngày 29 tháng 05 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Anh T đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Triệu Sơn;
- Chi cục THADS Triệu Sơn;
- UBND xã D, T
- Người yêu cầu;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy